TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-03-2020
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1973- Có mặt
Địa chỉ: TDP A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970- Có mặt
Địa chỉ: TDP A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Trần Thị Ánh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh N và ông Nguyễn Tấn T quá trình tìm hiểu yêu thương nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/6/2005. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, 03 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng kết hôn thời gian đã lâu nhưng không có con chung, ông T có quan hệ ngoài luồng với phụ nữ khác, do vậy vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ ngày 02/4/2019, hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyện vọng của bà Trần Thị Ánh N xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Ánh N và ông Nguyễn Tấn T không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông Nguyễn Tấn T thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thị Ánh N về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống là đúng sự thật.

Theo ông Nguyễn Tấn T thì sau khi về chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông có quan hệ ngoài luồng với phụ nữ khác, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Quá trình sống ly thân thì ông có về xin lỗi bà Nguyệt để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Nguyệt không đồng ý và cương quyết ly hôn. Bà Trần Thị Ánh N đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn sau đó Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ và bà Nguyệt rút đơn, tuy nhiên hiện nay bà N tiếp tục làm đơn xin ly hôn thì ông T không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ánh N để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56,

Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho bà Trần Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T; Về con chung không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N đề ngày 02/12/2019, HĐXX xác định đây là vụ án Ly hôn, giữa nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N và bị đơn ông Nguyễn Tấn T theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Trần Thị Ánh N làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Tấn T cư trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông Nguyễn Tấn T không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên toà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ánh N và ông Nguyễn Tấn T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/6/2005. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo kết quả xác minh ở chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng bà N và ông T đều thừa nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, mấy năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng kết hôn gần 15 năm nay nhưng không có con chung nên tình cảm dần phai nhạt, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài.

Tại phiên tòa ông T thừa nhận, nhiều lần ông có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữa khác, nhưng chỉ là ăn chơi qua đường, không phải quan hệ tình cảm.

Tại phiên tòa, HĐXX đã hòa giải cho vợ chồng bà N, ông T về đoàn tụ

nhưng không thành. Bà N cương quyết xin ly hôn với ông T, còn ông T không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà N.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Như vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì hiện nay vợ chồng bà N và ông T đã ly thân một thời gian dài không còn chung sống với nhau nữa và bà Nguyệt đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với ông T.

Vì vậy, HĐXX cho bà Trần Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T là đảm bảo theo quy đinh tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: bà N và ông T không có con chung, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận toàn diện ý kiến của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: bà Trần Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003932 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N, bị đơn ông Nguyễn Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKS huyện Krông Pắc;*
- *THADS huyện Krông Pắc;*
- *UBND TT. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ,VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Anh Hùng